

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 07 / 01 / 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Tôn Phước Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Trúc V, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã AA, huyện P, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: số B, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn:

- Ông Mai Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Trúc V cho rằng, vào tháng 10/2018, ông Mai Văn

H, bà Nguyễn Bích H (vợ của ông H) có vay của bà V số tiền 160.000.000 đồng để xây dựng nhà. Sau đó, ông H, bà V có vay thêm 4.500.000 đồng. Vào ngày 23/6/2020, ông H, bà H có trả được 50.000.000 đồng tại Văn phòng ấp K, xã K, huyện C. Cho nên, ông H, bà H còn nợ số tiền 114.500.000 đồng. Mặc dù bà V đã nhiều lần yêu cầu nhưng cho đến nay, ông H, bà H vẫn chưa trả số nợ này. Vì vậy, bà V yêu cầu ông H, bà H trả số tiền vay còn nợ 114.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên bản hòa giải trả tiền nợ do Văn phòng ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang lập ngày 23/6/2020 (bản photo).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Văn H, bà Nguyễn Bích H trình bày, trước đây, ông H, bà H có vay của bà Mai Thị V số tiền 160.000.000 đồng, mục đích để xây dựng nhà. Sau đó, ông H, bà H vay thêm 4.500.000 đồng của bà V. Vào ngày 23/6/2020, tại Văn phòng ấp K, xã K, huyện C, ông H, bà H đã trả cho bà V số tiền 50.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 114.500.000 đồng. Ông H, bà H chấp nhận trả số tiền vay còn nợ cho bà V. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông H, bà H yêu cầu được trả mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bên cạnh đó, bà V, ông H, bà H còn thống nhất trình bày, do bà V và ông H là anh, em ruột nên cả 02 khoản vay đều không thỏa thuận lãi. Khoản vay 4.500.000 đồng được xác lập vào tháng 11/2018. Khi vay, ông H, bà H hứa sẽ trả nợ vào khoảng tháng 10/2019 nhưng ông H, bà H không thực hiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tháng 10/2018, bà V có cho vợ chồng ông H, bà H vay 160.000.000 đồng, để xây dựng nhà. Ông H, bà H có trả được 50.000.000 đồng vào ngày 23/6/2020 tại Văn phòng ấp K, xã K, huyện C, còn nợ 110.000.000 đồng. Sau đó, ông H, bà H mượn thêm 4.500.000 đồng. Vì vậy, bà V yêu cầu ông H, bà H trả số nợ 114.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông H và bà H thừa nhận còn nợ bà V số tiền vay 114.500.000 đồng, xin trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà V và ông H, bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Ông H, bà H thừa nhận còn nợ bà V số tiền vay 114.500.000 đồng. Cho nên, việc bà V khởi kiện yêu cầu ông H, bà H trả 114.500.000 đồng là có căn cứ.

Ông H, bà H xin trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ nhưng không được bà V đồng ý nên không có cơ sở xem xét. Về lãi suất, do bà V không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V; buộc ông H, bà H trả cho bà V số tiền vay còn nợ 114.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Mai Thị Trúc V khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn H, bà Nguyễn Bích H trả nợ vay. Ông H, bà H đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Bà V, ông H, bà H thống nhất, vào tháng 10/2018, vợ chồng ông H, bà H có vay của bà V số tiền 160.000.000 đồng để xây dựng nhà. Đến tháng 11/2018, ông H, bà H tiếp tục vay thêm của bà V 4.500.000 đồng. Do bà V và ông H là anh, em ruột nên các bên không thỏa thuận lãi đối với cả 02 khoản vay. Khi vay, ông H, bà H hứa sẽ trả nợ vào khoảng tháng 10/2019. Vào ngày 23/6/2020, ông H, bà H có trả cho bà V số tiền 50.000.000 đồng tại Văn phòng ấp K, xã K, huyện C rồi ngưng không trả tiếp. Cho nên, ông H, bà H còn nợ bà V số tiền 114.500.000 đồng.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông H, bà H vay của bà V 02 lần với tổng số tiền 164.500.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng; còn nợ lại 114.500.000 đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông H, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà V khởi kiện yêu cầu ông H, bà H trả số nợ còn lại 114.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, buộc ông H, bà H trả cho và V nợ vay 114.500.000 đồng.

Về phương thức thanh toán, ông H, bà H yêu cầu trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà V là 5.725.000 đồng.

Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí 2.862.000 đồng mà bà V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Trúc V.

Buộc ông Mai Văn H, bà Nguyễn Bích H có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Trúc V số nợ vay 114.500.000 (một trăm mười bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Văn H, bà Nguyễn Bích H phải chịu 5.725.000 (năm triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Thị Trúc V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị Trúc V số tiền tạm ứng án phí 2.862.000 (hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn) đồng mà bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008993 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Mai Thị Trúc V, ông Mai Văn H, bà Nguyễn Bích H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình